

Bản án số: 29/2020/HS-ST
Ngày 21 tháng 9 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sùng Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hứa Văn Chế

Bà Nguyễn Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2020; Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 30/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Thế A; tên gọi khác: Không; sinh ngày 18/10/1978 tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký HKTT: Tổ 01, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú: Tổ 02, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Đại N - sinh năm: 1942; con bà: Vũ Thị L - sinh năm 1956; có vợ là Phan Thị V - Sinh năm: 1975, có 02 con, lớn nhất 13 tuổi, con nhỏ nhất 7 tuổi; DCB số 068 ngày 26/5/2020 tại công an thành phố H, tỉnh Hà Giang; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 02/02/1996, thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản, bị Công an thị xã H xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo (*Đã được xóa tiền sự*). Ngày 04/6/1997, thực hiện hành vi Gây rối trật tự công cộng, bị Công an thị xã H xử phạt vi phạm hành chính, mức phạt 100.000 đồng (*Đã được xóa tiền sự*). Ngày 06/7/1997, thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản bị Công an thị xã H bắt, khởi tố. Ngày 27/10/1997, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang tuyên phạt 3 năm tù (*Đã được xóa án tích*).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/5/2020 đến ngày 01/6/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ, bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/6/2020 đến nay. *Có mặt.*

2. Dương Đình H; tên gọi khác: Không; sinh ngày 23/02/1990 tại huyện P, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: khu 5, xã P2, huyện P, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ Văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Dương Đình P - sinh năm: 1965; con bà:

Nguyễn Thị L - sinh năm: 1968; chưa có vợ con; DCB số 081 ngày 13/7/2020 lập tại Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang. Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 22/01/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xử phạt 4 năm, 6 tháng tù về tội trộm cắp tài sản và tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Hiện bị cáo H chưa thi hành xong phần dân sự của bản án, chưa được xóa án tích. Tiền sự: Có 02 tiền sự, ngày 24/10/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian là 15 tháng (*Hiện chưa được xóa tiền sự*); Ngày 07/4/2020 bị Công an huyện P, tỉnh Phú Thọ xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 2.500.000đ về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác, nhưng chưa chấp hành. Nhân thân: Ngày 27/01/2006 bị Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Hà Giang tuyên phạt 9 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (*đã được xóa án tích*); Ngày 02/6/2009 bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ tuyên phạt 3 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy (*đã được xóa án tích*).

Bị cáo bị bắt truy nã ngày 8/7/2020, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang. *Có mặt.*

3. Đỗ Văn H1; tên gọi khác: Không; sinh ngày 26/6/1992 tại huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Văn H, sinh năm 1969; con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1969; có vợ là: Phạm Thúy N, sinh năm: 1990 (*đã ly hôn năm 2018*); có 1 con sinh năm 2017 (*đã chết*), DCB số 069 ngày 26/5.2020 tại Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang. Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 19/4/2018 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang tuyên phạt 7 tháng tù về tội gây rối trật tự công cộng (*chưa được xóa án tích*). Tiền sự: Không. Về nhân thân: Ngày 14/9/2010 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang tuyên phạt 42 tháng tù về tội cướp giật tài sản và 06 tháng tù về tội Trộm khỏi nơi giam giữ (*đã được xóa án tích*); Ngày 07/10/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tuyên phạt 9 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (*đã được xóa án tích*); Ngày 22/02/2016 bị Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức cảnh cáo (*đã được xóa tiền sự*);

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/05/2020, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang. *Có mặt.*

*Bị hại: Lê Đình T - sinh năm: 1975; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T1, tỉnh Thanh Hóa. *Không có lý do.*

*Người có QLNVLQ:

1. Bà Phan Thị V - sinh năm: 1875; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: Tổ 01, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

2. Ông Vũ Hồng T1 - sinh năm: 1988; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: Tổ 11, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; *vắng mặt có lý do.*

3. Bà Tô Thị T2 - sinh năm: 1970; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: Tổ 02, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

*Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Đắc T3. *Vắng mặt không có lý do.*

2. Bà Bùi Thị H2. *Vắng mặt không có lý do.*

3. Ông Bàn Thừa L. *Vắng mặt có lý do.*
4. Nguyễn Văn T4. *Vắng mặt không có lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 21/5/2020 Trần Thế A cùng với vợ là Phan Thị V tổ chức ăn cơm, uống rượu tại nhà thuộc tổ 01, phường N, thành phố H, tham dự có Bùi Đình T5, Bùi Văn K, T6, Bùi Thị H2. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày ăn uống xong, A lên tầng 2 để ngủ, những người còn lại dọn dẹp, sau đó ra phòng khách ngồi uống nước, nói chuyện; khoảng 15 phút sau, V rủ mọi người vào phòng ngủ tầng 1, để đánh bài Tú lơ khơ dưới hình thức đánh Liêng (*mỗi người chơi sẽ được chia 3 lá bài, dựa trên số điểm, ảnh, sấp liêng để tổ bài*), được thua bằng quân cờ tướng, nếu ai thua thì hôm sau phải mời tất cả mọi người đi ăn thịt chó, tất cả đồng ý và đi vào ngồi quây tròn trên chiếu trải trong phòng ngủ tầng một. Khi vào phòng, V lấy bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân để giữa chiếu, sau đó đến gian bếp phía sau lấy cho mỗi người một chiếc rổ nhựa, có đường kính miệng rổ 25 cm, cao 12 cm; mỗi chiếc rổ bỏ vào 40 quân cờ tướng làm bằng nhựa có nhiều kích cỡ khác nhau, quân cờ to nhất có kích thước 03 x 01 cm, quân cờ nhỏ nhất có kích thước 02 x 0,9 cm, mang vào đưa mỗi người một rổ và bắt đầu chia bài để đánh. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, H2 dùng điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5, số thuê bao 0979498258 của H2, gọi vào số thuê bao 0388719889 của bạn là Lê Đình T và nói “*Chị đang chơi bài ở nhà chị V, em có chơi không thì đến*”, T đồng ý. Sau khi tắt máy, T rủ Nguyễn Đắc T3 và Nguyễn Thị N đi cùng, T3 và N đồng ý, cả ba thuê xe Taxi khoảng 15 phút sau đến nhà vợ chồng V - A, cùng vào ngồi xem đánh bài, được một lúc H2 nghỉ đi ra phòng khách, nhường cho Thành đánh thay, khoảng 20 phút sau T3 lại nhường cho T vào đánh bài để ra phòng khách nói chuyện với H2.

Khoảng 01 giờ, ngày 22/5/2020, Trần Thế A tỉnh dậy đi xuống tầng 1 để uống nước, thì nghe thấy tiếng người trong phòng ngủ tầng 1, mở cửa vào trong quan sát thấy mọi người đang đánh bài, trong đó có T là người đã vay của Anh 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng*) từ năm 2015 đến nay chưa trả. Anh liền giơ tay lên chỉ về phía T chửi “*Địt mẹ thằng lừa đảo, mày vay tiền của tao, mày hẹn mấy hôm trả rồi mày trốn mấy năm nay không trả, hôm nay bắt buộc mày phải trả tiền cho tao*”, T đáp “*Bây giờ tôi chưa có tiền trả, sáng mai tôi khác trả tiền cho ông*”, A nói tiếp “*Không có sáng mai gì hết*” và định xông vào đánh T, thì mọi người nghỉ đánh bài vào can ngăn. Sau khi được mọi người can ngăn, thì V, A, T, H2 và T3 ra phòng khách ngồi nói chuyện; K lên tầng 2 để ngủ, một số người ra về (T5, N, T6). Tại phòng khách, A tiếp tục yêu cầu T trả tiền, nhưng T không có tiền trả ngay, hẹn đến khi trời sáng sẽ điện thoại bảo người mang tiền đến để trả cho A xong T mới về, A đồng ý cùng mọi người ngồi nói chuyện một lúc, A và V vào trong phòng đi ngủ; còn T, H2 và T3 ngủ lại ghế và phản trong phòng khách.

Trong buổi sáng ngày 22/5/2020 T đã gọi điện thoại cho nhiều người để vay tiền, nhưng chưa được, lúc này H2 và T3 cũng ở lại cùng T; thời gian đó, A thường xuyên ra ngoài làm việc với khách thuê chở hàng (*vì A là người chuyên kinh doanh vận chuyển hàng thuê cho khách từ Hà Giang đi các tỉnh*); còn V đi chợ mua thức ăn về nấu cơm. Khoảng 12 giờ cùng ngày, tất cả mọi người cùng ăn cơm tại nhà vợ chồng V - A. Sau khi

ăn cơm xong, đến khoảng 13 giờ cùng ngày, T đi loanh quanh trong phòng khách tiếp tục gọi điện hỏi vay tiền, nhưng chưa được và tiếp tục hứa hẹn. Khi đó, A tức giận, tiến đến gần, dùng tay trái tát một phát vào vùng mặt của T, T giơ tay lên đỡ được; A cầm chiếc dép xộp màu đỏ ném về phía T, nhưng không trúng, thấy thế mọi người vào can ngăn. Sau đó, A nói với T *“Thôi tốt nhất bây giờ mày viết cho tao cái giấy ghi nợ, mày hẹn thế nào thì mày viết vào trong giấy để trả cho tao”*, T đồng ý. A đi lấy quyển sổ giả da màu đen hàng ngày vẫn ghi các mã vận chuyển hàng cho khách và chiếc bút bi mực màu xanh đưa T tự viết giấy vay tiền với nội dung T nhận vay số tiền 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng*) của vợ chồng V - A và hẹn trong ngày 22/5/2020 sẽ trả tiền, viết xong A cầm sổ đọc lại rồi mang để trong phòng ngủ. Sau đó, V đọc lại nội dung T vừa viết trong sổ, đọc xong, V lấy bút viết cụm chữ *“Hà Giang .21/5/2020.”* và không nói cho ai biết.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày A ra ngoài cổng trước nhà đứng thì thấy Dương Đình H (*Sinh năm: 1990; thường trú: khu 5, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ*) và Đỗ Văn H1 (*Sinh năm: 1991, thường trú: thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Hà Giang*) đang đi xe mô tô nhãn hiệu Liberty, màu sơn tím, không gắn biển kiểm soát, là xe mô tô của H1, do H điều khiển, theo hướng Hà Giang - Thanh Thủy. A nảy sinh ý định nhờ H giúp trông coi và yêu cầu T trả tiền, liền gọi H lại và nói về việc T vay tiền chưa trả, đồng thời chỉ tay về hướng T đang ngồi trong nhà nói *“Thằng này nó đang nợ tiền chú, nó đang cò quay chưa chịu trả tiền”*. Sau đó, A cùng H và H1 đi vào trong nhà. Khi vào phòng khách, A đi vào phòng vệ sinh ở cuối tầng một, H thấy T đang ngồi trên ghế băng dài liền nói *“Mày là thằng nào, ở đâu, sao lại đến nhà chú tao vay tiền lừa đảo chú tao, mày thu xếp tiền trả ngay cho chú tao”*, T đáp *“Có phải anh không trả đâu, anh đang thu xếp tiền để trả”*, H nói tiếp *“Thằng chó này mày định lừa đảo chú tao với tao đến bao giờ, mày có thu xếp được tiền không để tao còn biết”* rồi H dùng tay phải tát liên tiếp 02 - 03 phát vào vùng đầu và vùng mặt của T, và dùng tay phải đấm liên tiếp 02 - 03 phát vào vai và lưng T. Lúc này, A từ phòng vệ sinh quay lại phòng khách, thấy thế nói với H *“Thôi đừng đánh nó nữa cháu, lúc này chú cũng đánh nó rồi”* rồi nói với T *“Mày thu xếp tiền ngay”*. H2 thấy T bị đánh, nói với A trả giúp cho T 2.000.000đ (*H triệu đồng*) nhưng A không đồng ý với lý do ai nợ người đấy trả. T3 tháo chiếc nhẫn làm bằng hợp chất vàng (*thường gọi là vàng tây*) bên trên mặt nhẫn gắn đá ruby màu đỏ - tím, đang đeo ở ngón giữa bàn tay phải đặt lên mặt bàn uống nước nhờ H mang bán để lấy tiền trả nợ giúp cho T. H cầm nhẫn đưa cho H1 nói *“Em đi hỏi giá cho anh, xem chiếc nhẫn này được bao nhiêu”*, H1 đồng ý mang nhẫn đi. Sau khi H1 đi, A đi ra kho chứa hàng phía sau tầng một để dọn dẹp và dặn H ở lại trông coi T còn H2 và T3 gọi taxi đến đón đi về trước. H1 cầm nhẫn điều khiển xe mô tô Liberty, đến cửa hàng vàng bạc Tuấn Dũng, thuộc tổ 05, phường N, thành phố H, gặp Nguyễn Thị D (*Sinh năm: 1978; trú tại: tổ 05, phường N, thành phố H, là chủ cửa hàng*), hỏi giá trị chiếc nhẫn và viên đá ruby màu đỏ - tím gắn trên mặt nhẫn, nhưng không xác định được giá trị viên đá ruby, nên H1 cầm cố chiếc nhẫn lấy 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) quay lại nhà A, đặt trên mặt bàn uống nước. Đúng lúc này, A từ kho hàng quay lại phòng khách quan sát không thấy H2 và T3 thì hỏi mới biết cả H đã đi về. A nhìn thấy có 01 tập tiền đặt trên mặt bàn, liền nói *“Tiền đâu ra thế”*, H nói *“Thằng H1 nó không biết, nó lại đem đi cầm nhẫn được ba triệu chú ạ”*; nghe xong A không đồng ý, yêu cầu H1 cầm tiền đi chuộc nhẫn về để trả lại cho T3. H1 cầm tiền quay lại cửa hàng vàng bạc Tuấn Dũng, chuộc chiếc nhẫn của T3 mang về đưa cho A.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, đến giờ A chuẩn bị lấy xe ô tô đi bốc hàng chở thuê cho khách nên nói với H “*Bây giờ chú bạn đi bốc hàng, cháu ở đây trông thằng T giúp chú, đợi nó trả tiền*”, H nói “*Giờ cháu còn bận việc, chú đưa T đến chỗ nhà H1*”, thì A và H1 đồng ý. Sau đó, H1 điều khiển xe mô tô đi trước về nhà số 212, đường 20/8, thuộc tổ 2, phường N, thành phố H (là nhà H1 thuê của bà Tô Thị T2; Sinh năm: 1970; thường trú: tổ 02, phường N, thành phố H để ở) còn A, H và T đến sau bằng xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI PAJERO GLS, biển kiểm soát 23A - 014.72 (là xe ô tô A mượn của anh Vũ Hồng T1; Sinh năm: 1988; thường trú: tổ 11, phường M, thành phố H), do Anh điều khiển. Khi đến nhà thuê trọ của H1, A và H đưa T vào phòng khách trong nhà, Anh nói với T “*Mày bảo bạn mày chuyển tiền trả tao, mày cứ vặn vẹo, khát lần khát lượt với tao là không được đâu*”, rồi quay sang dặn dò H trông giữ T, đến khi nào T có tiền thì gọi cho A, nói xong A điều khiển ô tô đi về nhà. Sau khi A về, H đưa T vào trong phòng ngủ, tiếp giáp phòng khách tầng một, không cho T ra ngoài, sau đó H và H1 vào bếp chuẩn bị nấu cơm. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, A đến nhà thuê trọ của H1, để xem T có tiền trả nợ chưa nhưng T chưa thu xếp được tiền nên A lại quay về.

Đến khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 22/5/2020, H cùng H1, T, Bàn Thừa L và Nguyễn Văn T4 cùng ăn cơm tại phòng khách nhà H1 thuê trọ; ăn xong T vào phòng ngủ tầng một, bỏ chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu trắng - hồng, lắp sim số thuê bao 0388719889 và chiếc ví giả da màu đen, bên trong có thẻ ATM ra tám dặm vỏ màu đỏ - trắng để nằm nghỉ. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, H đi vào trong phòng nói với T “*Thế nào đã thu xếp được tiền chưa*”, T nói “*Vẫn đang chờ người ta chuyển khoản*”; H1 nghe thấy thế đi vào, H tiếp tục nói với T “*O, con chó này mày bơ tao à, mày biết người ta gọi tao là gì không, H Điện*”, nói xong H giơ chân phải đá một phát trúng vào vùng mạn sườn trái của T, tiếp đến dùng hai tay đâm liên tiếp 04 - 05 phát trúng vào vùng lưng của T, H1 không nói gì, cũng không can ngăn, đánh T xong, H nói với H1 “*Em ở nhà để ý nó cho anh, nếu mà có người trả tiền cho nó hoặc nó có tiền thì gọi cho anh, để anh gọi cho chú A*” rồi rời khỏi nhà thuê trọ của H1 để đi chơi.

Sau khi H đi, H1, L và T4 ở ngoài phòng khách chơi điện tử. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, H1 vào phòng ngủ nói với T “*Mày hẹn trả tiền mà giờ vẫn chưa có à*”, T không nói gì thì bị H1 dùng chân phải đạp hai phát liên tiếp trúng vào vùng hông của T, đạp phát thứ ba vào vùng mặt của T, T giơ hai tay lên đỡ nên không gây thương tích, H1 không đánh nữa, đi ra phòng khách. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì lực lượng Công an phát hiện H1 đang giữ T trong nhà của H1.

Ngày 23/5/2020, Trần Thế A đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H xin đầu thú về hành vi giữ người trái pháp luật.

Đối với Dương Đình H, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, đã bỏ trốn. Ngày 11/6/2020, Cơ quan CSĐT Công an thành phố H ra quyết định truy nã bị can toàn quốc, đến ngày 08/7/2020, H bị bắt khi đang lẩn trốn tại xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Tại Bản kết luận giám định pháp y Thương tích số 62/TgT ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Hà Giang, kết luận: Lê Đình T bị gãy xương sườn số 8, 9, 11 bên trái. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Lê Đình T là: 07% (Bảy phần trăm).

Tại Bản kết luận giám định dấu vết hóa số: 3262/C09-P4 ngày 10/6/2020, của Viện khoa học hình sự, Bộ Công An, kết luận:

+ 01 (Một) Nhẫn bằng kim loại màu vàng, trên mặt nhẫn được gắn 01 viên đá màu đỏ tím, xung quanh mặt viền nhẫn được gắn 37 (Ba mươi bảy) viên đá nhỏ không màu gửi giám định có tổng khối lượng là 13,95 gam (tính cả khối lượng của đá).

+ Phần kim loại màu vàng là hợp kim của vàng (Au), đồng (Cu), bạc (Ag), kẽm (Zn). Hàm lượng Au: 55,16 %, Cu: 30,85 %, Ag: 7,48 %; Zn: 6,51%.

+ 01 (Một) viên đá màu đỏ tím gắn trên nhẫn là ruby tự nhiên đã được xử lý.

+ 37 (Ba mươi bảy) viên đá nhỏ không màu gắn trên nhẫn đều là zirconia tổng hợp.

Tại Bản kết luận giám định chữ viết, chữ số 12/KL-PC09, ngày 18/8/2020, của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hà Giang, kết luận: Chữ viết chữ số trên tờ giấy vay tiền là chữ viết, chữ số của Lê Đình T, phần chữ viết "Hà Giang. 21/5/2020." là chữ viết của Phan Thị V.

Tại phiên tòa: các bị cáo A, H, H1 thừa nhận đã có hành vi giữ người trái pháp luật và gây thương tích cho Lê Đình T mục đích là đòi lại tiền cho Trần Thế A, ngoài ra các bị cáo không có mục đích gì.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an thành phố H đã thu giữ những vật chứng sau:

- 01 (Một) Ví giả da màu đen, kích thước 12x10 cm, mặt ngoài ví có in chìm dòng chữ H2 HUYTAM.

- 01 (Một) Thẻ ATM của Ngân hàng Agribank, màu xanh - đỏ - đen, mặt thẻ có số 9704 0507 2057 2960, in dòng chữ nổi mang tên Lê Đình T.

- 01 (Một) Đôi giày giả da màu đen, kích thước 27x10 cm, mặt dưới đế giày có in số 245.

- 01 (Một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu trắng - hồng, số IMEI: 355765078753760, lắp 01 sim mạng Viettel có số thuê bao 0388719889.

- 01 (Một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6, vỏ màu vàng - trắng, số IMEI: 359251062936584; lắp 01 sim mạng Viettel có số thuê bao 0988363602.

- 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6, vỏ màu xám - đen, số IMEI: 356677084339113; lắp 01 sim mạng Vinaphone có số thuê bao 0948655111.

- 01 (Một) Xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI PAJERO GLS, màu sơn: Xám, biển kiểm soát 23A - 014.72, số khung: RLA00V43W11000044, số máy: 6G72NY9340.

- 01 (Một) Chìa khóa bằng kim loại của xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI PAJERO GLS, biển kiểm soát 23A - 014.72.

- 01 (Một) Quyển sổ giả da màu đen, mặt bên ngoài ghi dòng chữ NOTEBOOK, kích thước: 30 x 21 cm, bên trong có 01 (Một) tờ giấy biên nhận vay tiền ghi tên Lê Đình T.

- 01 (Một) Tờ giấy màu trắng có dòng kẻ ngang, kích thước 20 x 30cm.

- 01 (Một) Tờ giấy màu trắng, khổ giấy A4 kích thước 20 x 30cm.

- 01 (Một) Quyển sổ màu xanh, mặt bên ngoài ghi dòng chữ NOTEBOOK, kích thước 19 x 12,5 cm.

- 01 (Một) Hộp giấy màu đỏ, có kích thước 19,5 x 11 x 31 cm, bên trong có 234 (H trăm ba mươi bốn) quân cờ tướng, có kích thước khác nhau, trong đó quân cờ to nhất có kích thước 03 x 01 cm, quân cờ nhỏ nhất có kích thước 02 x 0,9 cm.

- 01 (Một) Chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, trên mặt nhẫn được gắn 01 viên đá màu đỏ tím, xung quanh mặt viên nhẫn được gắn 37 (Ba mươi bảy) viên đá nhỏ không màu có tổng khối lượng là 13,95 gam (tính cả khối lượng của đá).

Xử lý vật chứng: Căn cứ quyết định xử lý vật chứng số: 19/QĐ - CQĐT ngày 14/7/2020, quyết định số 21/QĐ-CQĐT ngày 01/8/2020 đã tiến hành trao trả tài sản cho chủ sở hữu:

- Trả cho người bị hại Lê Đình T gồm: 01 (Một) Ví giả da màu đen, kích thước 12x10 cm, mặt ngoài ví có in chìm dòng chữ H2 HUYTAM. 01 (Một) Thẻ ATM của Ngân hàng Agribank, màu xanh - đỏ - đen, mặt thẻ có số 9704 0507 2057 2960, in dòng chữ nổi mang tên Lê Đình T. 01 (Một) Đôi giày giả da màu đen, kích thước 27x10 cm, mặt dưới đế giày có in số 245. 01 (Một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu trắng - hồng, số IMEI: 355765078753760, lắp 01 sim mạng Viettel có số thuê bao 0388719889. Sau khi nhận lại tài sản anh T không yêu cầu, đề nghị gì thêm.

- Trả cho Vũ Hồng T1 gồm: 01 (Một) Xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI PAJERO GLS, màu sơn: Xám, biển kiểm soát 23A - 014.72, số khung: RLA00V43W11000044, số máy: 6G72NY9340. 01 (Một) Chìa khóa bằng kim loại của xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI PAJERO GLS, biển kiểm soát 23A - 014.72. Sau khi nhận lại tài sản anh T1 không yêu cầu, đề nghị gì thêm.

- Trả cho Nguyễn Đắc T3 gồm: 01 (Một) Chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, trên mặt nhẫn được gắn 01 viên đá màu đỏ tím, xung quanh mặt viên nhẫn được gắn 37 (Ba mươi bảy) viên đá nhỏ không màu có tổng khối lượng là 13,95 gam (tính cả khối lượng của đá). Sau khi nhận lại tài sản anh Thành không yêu cầu, đề nghị gì thêm.

- Trả cho Phan Thị V gồm: 01 (Một) Hộp giấy màu đỏ, có kích thước 19,5 x 11 x 31 cm, bên trong có 234 (H trăm ba mươi bốn) quân cờ tướng, có kích thước khác nhau, trong đó quân cờ to nhất có kích thước 03 x 01 cm, quân cờ nhỏ nhất có kích thước 02 x 0,9 cm. Sau khi nhận lại tài sản chị V không yêu cầu, đề nghị gì thêm.

- Trả cho Dương Đình Phong gồm: 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6, vỏ màu xám-đen, số IMEI: 356677084339113; lắp 01 sim mạng Vinaphone có số thuê bao 0948655111. Sau khi nhận lại tài sản anh Phong không yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Vật chứng được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H để quản lý theo pháp luật gồm:

- 01 (Một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6, vỏ màu vàng - trắng, số IMEI: 359251062936584; lắp 01 sim mạng Viettel có số thuê bao 0988363602.

- 01 (Một) Quyển sổ giả da màu đen, mặt bên ngoài ghi dòng chữ NOTEBOOK, kích thước: 30 x 21 cm, bên trong có 01 (Một) tờ giấy biên nhận vay tiền ghi tên Lê Đình T.

- 01 (Một) Tờ giấy màu trắng có dòng kẻ ngang, kích thước 20 x 30cm.

- 01 (Một) Tờ giấy màu trắng, khổ giấy A4 kích thước 20 x 30cm.

- 01 (Một) Quyển sổ màu xanh, mặt bên ngoài ghi dòng chữ NOTEBOOK, kích thước 19 x 12,5 cm.

Bản cáo trạng số 30/CT-VKSTPHG ngày 03/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố các bị cáo Trần Thế A, Dương Đình H, Đỗ Văn H1 về tội Giữ người trái pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang sau phân xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Trần Thế A, Dương Đình H, Đỗ Văn H1 về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử :

- Tuyên bố: các bị cáo Trần Thế A, Dương Đình H, Đỗ Văn H1 phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

- Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 36; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thế A từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, giao bị cáo Trần Thế A cho UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang theo dõi giám sát giáo dục.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Dương Đình H từ 07 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/7/2020; Bị cáo Đỗ Văn H1 từ 07 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/05/2020.

Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

- Xử lý vật chứng: đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Tuyên án phí và quyền kháng cáo đối với bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến đối đáp lại đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Các bị cáo nhận thấy việc làm của các bị cáo đã vi phạm pháp luật, các bị cáo bị xử lý là thỏa đáng. Các bị cáo xin được hưởng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người làm chứng và người có QLNVLQ Vũ Hồng T1 không có lý do: HĐXX xét thấy đã có lời KH của những người này trong hồ sơ vụ án, việc giải quyết vụ án không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người này nên vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Thế A, Dương Đình H, Đỗ Văn H1: tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan Điều tra và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận ngày 22/5/2020, các bị cáo Trần Thế A, Dương Đình H, Đỗ Văn

H1 đã có hành vi giữ người trái pháp luật tại nhà Trần Thế A và nhà thuê trọ của Đỗ Văn H1 trong thời gian là 10 giờ, việc giữ người trái pháp luật từ địa điểm này sang địa điểm khác được thực hiện liên tục, liền mạch, không bị gián đoạn, nên không thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần.

Hành vi đánh Lê Đình T gây thương tích 7% của các bị cáo không thuộc tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự, đồng thời bị hại Lê Đình T có đơn xin rút đơn và đề nghị xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi gây thương tích và giữ người trái pháp luật, do vậy cơ quan điều tra không xem xét, giải quyết hành vi cố ý gây thương tích đối với A, H, H1.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân được pháp luật bảo vệ, các bị cáo bất chấp, coi thường pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội, nên phải xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật hình sự.

Các bị cáo đã dùng thủ đoạn như chửi bới, đe dọa, đánh đập để ép buộc người bị hại không rời khỏi số nhà 212 và 262 nhằm đòi lại tiền nợ cho Trần Thế A. Ngoài hành vi giữ người, các bị cáo còn có hành vi gây thương tích mang tính chất côn đồ, coi thường tính mạng, sức khỏe, danh dự nhân phẩm được pháp luật bảo vệ. Đối với bị cáo Trần Thế A, với vai trò là người khởi xướng trong vụ án, mặc dù T nợ tiền mà không đòi được nhưng không đến cơ quan có thẩm quyền để khiếu nại giải quyết theo luật định, bị can còn nhờ người khác cùng thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo Dương Đình H và Đỗ Văn H1 là đồng phạm với Trần Thế A để giữ người trái pháp luật, cả H thực hiện hành vi giúp sức mặc dù không có thỏa thuận, không được thuê mướn, hứa hẹn lợi ích vật chất, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn.

Về vai trò của các bị cáo: bị cáo Trần Thế A là người nảy sinh và khởi xướng ý thức muốn giữ anh T tại số nhà 262 và 212 nên phải chịu trách nhiệm chính và mức hình phạt cao nhất. Bị cáo Dương Đình H, Đỗ Văn H1 là đồng phạm của bị cáo A trong vai trò giúp sức nên chịu mức hình phạt nhẹ hơn bị cáo A.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai người làm chứng, người bị hại và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do vậy các bị cáo Trần Thế A, Dương Đình H và Đỗ Văn H1 được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự gồm: “*Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả*” và “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, bản thân bị cáo Trần Thế A đã chủ động đến cơ quan điều tra đầu thú, bố mẹ bị cáo là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì, ba; mẹ bị cáo là người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm chất độc hóa học, do vậy bị cáo cũng được xác định là người bị dị dạng, dị tật bẩm sinh

là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Căn cứ khoản 1 Điều 53 Bộ luật hình sự các bị cáo Dương Đình H và Đỗ Văn H1 mỗi người có 01 tiền án, chưa được xóa án tích, thuộc trường hợp tái phạm, do vậy bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Như vậy, HĐXX thấy rằng bị cáo Trần Thế A phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng không cần T5 áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo tự cải T1 ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Các bị cáo Dương Đình H và Đỗ Văn H1 đều có nhân thân xấu nên cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để giáo dục, cải T1 các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời có tác dụng răn đe phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo là dân lao động tự do, không có nghề nghiệp và mức thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về giấy vay nợ của T xác định được, T vay tiền mặt của Trần Thế A năm 2015 số tiền 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng*) không có giấy tờ vay mượn, đến ngày 22/5/2020 trước khi bị giữ trái pháp luật thì T tự nguyện viết giấy vay nợ, không bị ép buộc, do vậy hành vi Trần Thế A không cấu thành tội Cường đoạt tài sản quy định tại Điều 170 Bộ luật hình sự,

[9] Về hành vi đánh bài được thua bằng quân cờ của Phan Thị V, Bùi Văn K, Bùi Văn T5, T6, Bùi Thị H2, Nguyễn Đắc T3, Lê Đình T tại nhà của V - A ngày 21/5/2020 không nhằm mục đích sát phạt nhau bằng tiền hay hiện vật, mà chỉ là vui chơi giải trí, không cấu thành tội Đánh bạc và Tổ chức đánh bạc theo quy định tại các Điều 321 và 322 Bộ luật hình sự năm, do đó Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Đối với Bùi Thị H2, Nguyễn Đắc T3, Bàn Thừa L và Nguyễn Văn T4 là những người biết việc Lê Đình T bị giữ trái pháp luật và bị đánh gây Thương tích. Sau khi sự việc xảy ra, đã chủ động khai báo và cung cấp thông tin liên quan đến sự việc. Cơ quan điều tra không xem xét giải quyết.

Đối với anh Vũ Hồng T1 là chủ sở hữu xe ô tô biển kiểm soát 23A - 014.72 đã cho bị can A mượn xe ô tô làm phương tiện đi lại, nhưng không biết bị cáo A sử dụng xe ô tô để di chuyển Lê Đình T từ nơi này sang nơi khác nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý.

Đối với bà Tô Thị T2 là người cho bị cáo Đỗ Văn H1 thuê trọ tại số nhà 212, đường 20/8 thuộc tổ 02, phường N, thành phố H, nhưng không biết H1 cùng đồng bọn sử dụng làm địa điểm thực hiện hành vi giữ người trái pháp luật, do đó Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Đối với Phan Thị V là vợ của bị cáo A, đã viết thêm thông tin vào giấy vay tiền của Lê Đình T, nhằm mục đích xác định ngày T viết giấy vay nợ. Quá trình các bị cáo Trần Thế A cùng với Dương Đình H và Đỗ Văn H1 giữ Lê Đình T tại nhà mình và nhà

H1 thuê trọ, V không tham gia, chỉ biết T có vay nợ A dẫn đến mâu thuẫn. Hành vi của V không đủ chứng cứ chứng minh vai trò đồng phạm về tội Giữ người trái pháp luật, do đó Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Đối với chiếc nhẫn làm bằng hợp kim vàng (*thường gọi là vàng tây*) bên trên gắn mặt đá ruby màu đỏ - tím của Nguyễn Đắc T3, là do T3 tự nguyện tháo ra để nhờ bị cáo H mang bán lấy tiền trả nợ giúp cho T. Sau đó, H bảo H1 mang đi định giá, H1 cầm cố được 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) mang về nhưng A không đồng ý nên đã yêu cầu H1 đi chuộc về để trả lại cho T3, hành vi đó không cấu thành tội Cường đoạt tài sản theo quy định tại Điều 170 Bộ luật hình sự.

Việc giải quyết các vấn đề nêu trên của Cơ quan CSĐT Công an thành phố H là đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 27/5/2020 chị V đã bồi thường 42.000.000đ (*Bốn mươi H triệu đồng*) cho anh Lê Đình T bao gồm tiền viện phí, tiền bồi dưỡng sức khỏe, tiền tiếp tục điều trị thương tích sau này và các khoản chi phí khác. Sau khi nhận tiền, anh T viết đơn xin rút đơn và đề nghị xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi gây Thương tích và giữ người trái pháp luật đối với A, H, H1 và không có yêu cầu đề nghị gì thêm về dân sự.

Đối với số tiền 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng*) anh T vay của Trần Thế A, anh T và chị V đã thỏa thuận thanh toán xong với nhau.

Quá trình điều tra vụ án, bà Tô Thị T2 đề nghị bị can Đỗ Văn H1 trả số tiền thuê nhà còn nợ là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), tuy nhiên đây là thỏa thuận dân sự giữa hai bên, do đó Cơ quan điều tra hướng dẫn bà T2 làm đơn đến Tòa án để giải quyết bằng vụ việc tranh chấp dân sự.

Người có QLNVLQ bà Tô Thị T2 không có mặt tại phiên tòa đề nghị HĐXX giải quyết. Do vậy, HĐXX không xem xét.

[11] Xử lý vật chứng: - 01 (*Một*) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6, vỏ màu vàng - trắng, số IMEI: 359251062936584; lắp 01 sim mạng Viettel có số thuê bao 0988363602 không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho Trần Thế A.

- 01 (*Một*) Quyển sổ giả da màu đen, mặt bên ngoài ghi dòng chữ NOTEBOOK, kích thước: 30 x 21 cm, bên trong có 01 (*Một*) tờ giấy biên nhận vay tiền ghi tên Lê Đình T, 01 (*Một*) Tờ giấy màu trắng có dòng kẻ ngang, kích thước 20 x 30cm, 01 (*Một*) Tờ giấy màu trắng, khổ giấy A4 kích thước 20 x 30cm, 01 (*Một*) Quyển sổ màu xanh, mặt bên ngoài ghi dòng chữ NOTEBOOK, kích thước 19 x 12,5 cm. Là đồ vật không còn giá trị sử dụng, các bị cáo không yêu cầu nhận lại do vậy cần tịch thu tiêu hủy.

(*Theo biên bản giao nhận ngày 16/9/2020 của chi cục THADS thành phố H, tỉnh Hà Giang.*)

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và

lệ phí Tòa án:

- Tuyên bố các bị cáo Trần Thế A, Dương Đình H, Đỗ Văn H1 phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thế A 20 (Hai mươi) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo bị tạm giữ 09 ngày, từ ngày 23/5/2020 đến ngày 01/6/2020, 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo, do bị cáo là người bị dị dạng, dị tật bẩm sinh. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Trần Thế A cho UBND Phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, theo dõi giám sát giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 100 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Dương Đình H 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/7/2020;

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Văn H1 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/05/2020.

* Về vật chứng:

- Trả lại 01 (Một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6, vỏ màu vàng - trắng, số IMEI: 359251062936584; lắp 01 sim mạng Viettel có số thuê bao 0988363602 cho bị cáo Trần Thế A.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) Quyển sổ giả da màu đen, mặt bên ngoài ghi dòng chữ NOTEBOOK, kích thước: 30 x 21 cm, bên trong có 01 (Một) tờ giấy biên nhận vay tiền ghi tên Lê Đình T, 01 (Một) Tờ giấy màu trắng có dòng kẻ ngang, kích thước 20 x 30cm. 01 (Một) Tờ giấy màu trắng, khổ giấy A4 kích thước 20 x 30cm, 01 (Một) Quyển sổ màu xanh, mặt bên ngoài ghi dòng chữ NOTEBOOK, kích thước 19 x 12,5 cm.

* Về án phí: Buộc các bị cáo Trần Thế A, Dương Đình H, Đỗ Văn H1 phải chịu mỗi bị cáo là 200.000đ (H trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công KH có mặt các bị cáo, báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có QLNVLQ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang
- VKSNDTP H, tỉnh Hà Giang;
- Công an TP H, tỉnh Hà Giang;
- Cơ quan THAHS CATP H;
- Các Bị cáo; bị hại
- Người có QLNVLQ;
- THA dân sự TP H;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ HS – BP;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

SùngThị Mai